

VI- Thông tin bổ sung báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

		Quý 3/2019	Quý 3/2018
1- Doanh thu:		27,716,387,421	22,528,906,432
- Doanh thu xuất khẩu	\$ 1,090,861.82	25,270,591,181	15,907,094,041
- Doanh thu nội địa		85,573,865	3,828,544,791
- Doanh thu khác		2,360,222,375	2,793,267,600
2- Các khoản giảm trừ doanh thu:		-	-
3- Giá vốn hàng bán:		27,012,688,401	14,423,665,685
4- Doanh thu hoạt động tài chính:		228,171,162	194,327,463
Lãi tiền gửi		250,536	200,509
Lãi chênh lệch tỷ giá thanh toán		75,007,148	184,532,808
Lãi chênh lệch tỷ giá cuối niên độ		152,913,478	9,594,146
5- Chi phí tài chính:		802,175,260	1,819,771,187
Chi phí lãi vay		736,411,983	841,227,931
Lỗ chênh lệch tỷ giá thanh toán		11,881,706	658,701,018
Lỗ chênh lệch tỷ cuối niên độ		53,881,571	319,842,238
Dự phòng giảm giá chứng khoán KD		(384,858,600)	(55,243,800)
6- Chi phí bán hàng		1,316,371,979	1,593,582,964
Chi phí lương nhân viên quản lý		353,745,260	392,484,267
Chi phí xuất hàng (Vận chuyển, hải quan)		673,672,039	561,737,214
Chi phí tham gia hội chợ		-	-
Chi phí hoa hồng		88,662,838	55,760,738
Chi phí khác		200,291,842	583,600,745
7- Chi phí quản lý doanh nghiệp		3,306,867,753	2,632,134,677
Chi phí lương nhân viên quản lý		1,986,258,714	2,126,195,966
Chi phí công cụ dụng cụ		33,572,940	15,986,017
Chi phí khấu hao TSCĐ		84,772,113	84,772,113
Chi phí dịch vụ mua ngoài (Bảo hành sửa chữa, d vụ khác)		446,157,420	310,354,403
Chi phí khác		756,106,566	94,826,178
8- Thu nhập khác:		1,000,000	-
9- Chi phí khác:		-	21,568,071
10- Chi phí thuế TNDN hiện hành			
Lợi nhuận kế toán trước thuế		(4,491,424,458)	1,136,040,882
Trừ: Thu nhập không chịu thuế		-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ		-	21,568,071
Thu nhập chịu thuế		(4,491,424,458)	1,157,608,953
Thuế suất thuế TNDN của hoạt động SXKD		20%	15%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	-
11- Lãi cơ bản trên cổ phiếu:			
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN		(4,491,424,458)	1,157,608,953
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông		-	-
- Cổ phần phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm		12,807,000	12,807,000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu		(351)	90
12- Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố		53,792,584,726	89,094,734,906
- Chi phí nguyên vật liệu		44,513,809,575	76,197,259,944
- Chi phí nhân công		4,002,882,479	7,361,736,841
- Chi phí khấu hao TSCĐ		652,652,940	722,341,554
- Chi phí dịch vụ mua ngoài		1,475,202,219	2,222,662,024
- Chi phí khác		3,148,037,513	2,590,734,543

VII- Công bố thông tin:

Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Tổ chức niêm yết theo qui định tại TT 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Mã CK: ICF

So với cùng kỳ năm trước; doanh thu giảm, tỷ trọng các chi phí lãi vay, chi phí bán hàng & chi phí quản lý trên doanh thu tăng
Kết quả kinh doanh lỗ

VIII- Thông tin khác:

1- GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Quý 3/2019	Quý 3/2018
Nợ phải thu (VND)	462,491,763	462,491,763
INCOMFISH US	462,491,763	462,491,763
Nợ phải trả (VND)	36,707,455,984	43,436,048,695
Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	25,347,168,139	20,233,902,920
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	1,280,000,000	3,500,000,000
Ông Nguyễn Phát Quang	-	9,676,282,170
Bà Nguyễn Thị Kim Thủy	10,080,287,845	10,025,863,605

2- CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi biến động về tỷ giá. Loại tiền tệ gây ra rủi ro là USD và EUR. Công ty đảm bảo rằng việc chịu rủi ro này sẽ được duy trì ở mức chấp nhận được bằng cách thực hiện quản lý rủi ro liên

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi

của lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động theo những thay đổi theo giá thị trường

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản

- Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữ nợ phải trả đến hạn trả và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị, nhà xưởng trên đất; tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là gần bằng với giá trị của chúng.

Dưới đây là chi tiết giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn:

	Giá trị sổ sách	Dự phòng giảm giá	Giá trị hợp lý
Tại ngày 01/01/2019			
Đầu tư tài chính ngắn hạn	531,000,000	(416,594,436)	114,405,564
Chứng khoán kinh doanh	531,000,000	(416,594,436)	114,405,564
Đầu tư tài chính dài hạn	37,211,425,650	(15,941,827,000)	
Đầu tư vào Công ty liên kết	14,992,000,000	(1,499,200,000)	
Đầu tư vào Công ty khác	22,219,425,650	(14,442,627,000)	
Cộng	37,742,425,650	(16,358,421,436)	
Tại ngày 30/09/2019			
Đầu tư tài chính ngắn hạn	531,000,000	(416,594,436)	114,405,564
Chứng khoán kinh doanh	531,000,000	(384,858,600)	146,141,400
Đầu tư tài chính dài hạn	37,211,425,650	(15,941,827,000)	
Đầu tư vào Công ty liên kết	14,992,000,000	(1,499,200,000)	
Đầu tư vào Công ty khác	22,219,425,650	(14,442,627,000)	
Cộng	37,742,425,650	(16,358,421,436)	

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh được tính dựa vào giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng khi kết thúc năm tài chính tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (31/12/2019).

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc của khoản đầu tư các khoản điều chỉnh khác.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố và trong Báo cáo tài chính.

Người lập biểu

Nguyễn Ngô Tấn Phát

Kế toán trưởng

Nguyễn Ngô Tấn Phát

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 10 năm 2019

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Kim Thu